

Số: 3148 /TTr-UBND

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương

ĐẾN Số: 001.990...
Ngày: 01-07-2019

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương

Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số: 2015, Ủy

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh

Bình Dương xem xét, thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Trong thời gian vừa qua, tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp, những chế độ hỗ trợ của tỉnh đã động viên, khuyến khích đội ngũ trong toàn ngành, góp phần tích cực trong quá trình phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh nhà. Tuy nhiên, những chế độ hỗ trợ này được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, một số văn bản đã hết hiệu lực một phần nên dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng thực hiện vì phải tra cứu nhiều văn bản. Mặt khác, một số chế độ không còn phù hợp vì đã ban hành quá lâu hoặc đã có quy định mới của Trung ương,... Để đảm bảo các chế độ hỗ trợ của tỉnh đối với ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp thực hiện được dễ dàng, phù hợp với tình hình thực tế và hiệu quả, không trùng lặp giữa chế độ của trung ương và địa phương, việc ban hành Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương nhằm bãi bỏ, hợp nhất, điều chỉnh bổ sung một số chế độ, chính sách là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành nghị quyết mới của HĐND tỉnh nhằm bãi bỏ những chế độ đã không còn phù hợp hoặc những chế độ đã có quy định mới của Trung ương; hợp nhất các chế độ hỗ trợ của tỉnh đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp được áp dụng

từ nhiều văn bản khác nhau thành một văn bản mới để dễ dàng trong việc tra cứu, áp dụng thực hiện ở cơ sở.

Việc ban hành Nghị quyết mới để bãi bỏ, hợp nhất, điều chỉnh bổ sung một số chế độ, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp còn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp giúp cho đơn vị áp dụng được dễ dàng, phù hợp, hiệu quả, không trùng lặp giữa chế độ của trung ương và địa phương. Kịp thời động viên, khuyến khích tinh thần cho học sinh, sinh viên và giáo viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp, không bỏ sót đối tượng thụ hưởng chính sách có tính chất tương đồng nhằm giúp cho học sinh, sinh viên và giáo viên có thêm động lực để học tập và công tác tốt hơn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Giai đoạn 1: Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Sở Giáo dục và Đào tạo soạn thảo nội dung, đề nghị các cơ quan, sở ngành đóng góp ý kiến, đăng tải dự thảo nội dung Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định; sau đó tổng hợp các ý kiến đóng góp, tiếp thu, giải trình các ý kiến của các cơ quan, sở ngành và các cá nhân, tổ chức có liên quan; kế tiếp gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giai đoạn 2: Soạn thảo, thông qua Nghị quyết.

Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh (*tại công văn số 75/HĐND-VHXXH ngày 19/4/2019*) và thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã soạn thảo nội dung Nghị quyết, đề nghị các cơ quan, sở ngành đóng góp ý kiến, đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các ý kiến đóng góp, tiếp thu, giải trình các ý kiến của các cơ quan, sở ngành và các cá nhân, tổ chức có liên quan về nội dung dự thảo Nghị quyết.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự

thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đến nay, các bước tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã đảm bảo đúng theo quy định và đã được UBND tỉnh thống nhất thông qua tại phiên họp tháng 6/2019 để trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương gồm có 8 điều, cụ thể:

Điều 1. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức và nhân viên.

Điều 2. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên.

Điều 3. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường Trung học phổ thông chuyên.

Điều 4. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường Trung học phổ thông chất lượng cao.

Điều 5. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường Trung học cơ sở có lớp tạo nguồn.

Điều 6. Nghị quyết này bãi bỏ một số Nghị quyết.

Điều 7. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức và nhân viên

2.1.1. Hỗ trợ nhân viên cấp dưỡng

a) Nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 01 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Riêng đối với nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non, ngoài chế độ hỗ trợ nêu trên, trong trường hợp phục vụ số trẻ vượt quá số lượng theo quy định thì được hỗ trợ thêm 05 ngày tiền lương hiện hưởng/người/tháng.

Nhằm bảo đảm sức khỏe cho cấp dưỡng để hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo đảm vệ sinh chăm sóc trẻ, mỗi đơn vị chỉ được phép thiếu tối đa 02 cấp dưỡng

trong năm học.

2.1.2. Hỗ trợ nhân viên phục vụ

Nhân viên phục vụ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 500.000 đồng/tháng.

2.1.3. Hỗ trợ nhân viên bảo vệ

Nhân viên bảo vệ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 600.000 đồng/tháng và tiền trang phục với mức 600.000 đồng/02 bộ/năm.

2.1.4. Hỗ trợ giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn

Giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.1.5. Hỗ trợ tiền trang phục

Công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng trực tiếp làm công tác phục vụ các lớp bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập có lớp bán trú (nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo) được hỗ trợ tiền trang phục với mức 300.000 đồng/2 bộ/năm.

2.1.6. Hỗ trợ cho viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập

Viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.1.7. Hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên

Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên (khi tuyển dụng có chuyên ngành đào tạo là sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo không phải là sư phạm và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) không trực tiếp giảng dạy, được phân công làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

- Hỗ trợ 30% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên

và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp.

- Hỗ trợ 25% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với trường cao đẳng, giáo dục đại học.

Đối với chức danh Kế toán, Văn thư, Thủ quỹ, Y tế phải được phân công trước ngày 01/7/2012.

2.1.8. Hỗ trợ công chức, viên chức khi được điều động, phân công công tác ở các địa phương khác nơi đăng ký thường trú như sau:

a) Từ 20km đến 40km được hỗ trợ 100.000 đồng/tháng.

b) Trên 40km được hỗ trợ 150.000 đồng/tháng.

2.1.9. Hỗ trợ Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân

a) Nhà giáo Ưu tú: 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo ưu tú đã nghỉ hưu.

b) Nhà giáo Nhân dân: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo nhân dân đã nghỉ hưu.

2.1.10. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp nhân kỷ niệm “Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11” hằng năm: 200.000 đồng/người.

2.1.11. Hỗ trợ cho công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; công chức, viên chức thuộc trường mầm non công lập được phân công quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập đóng trên địa bàn:

a) Được hưởng phụ cấp: 01 ngày/tuần/người (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

b) Việc phân công công chức, viên chức thực hiện quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập phải được người có thẩm quyền ra quyết định cụ thể theo phân cấp quản lý hiện hành.

2.1.12. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên của nhà trẻ, mẫu giáo bán trú và các trường mầm non bán trú: 200.000 đồng/người/tháng.

2.1.13. Hỗ trợ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non công lập

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng các trường bán trú phải trực tiếp tham gia hỗ trợ và kiểm tra giáo viên về công tác chăm sóc và tổ chức giờ ăn, giờ ngủ cho trẻ tại các nhóm lớp, được hỗ trợ:

a) Đơn vị là nhà trẻ, trường mầm non bán trú thì được tính 02 ngày/người/tháng.

b) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn dưới 04 lớp thì được tính 01 ngày/người/tháng.

c) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn từ 04 lớp trở lên thì được tính 1,5 ngày/người/tháng.

2.1.14. Hỗ trợ giáo viên cơ sở giáo dục mầm non công lập

a) Đối với các đơn vị có tổ chức ăn, giáo viên đến sớm trước 06 giờ 30 sáng để vệ sinh phòng, nhóm lớp, chuẩn bị đồ chơi để tổ chức đón trẻ và chuẩn bị các điều kiện tổ chức cho trẻ ăn sáng; tổ chức và trực trưa cho trẻ ngủ (từ 11 giờ 30 đến 13 giờ 30); tổ chức trả trẻ từ (16 giờ 30 đến 17 giờ 30), được gọi chung là “trực sáng, trực trưa”.

- Trường hợp nếu giáo viên tham gia trực sáng, trực trưa đầy đủ trong tháng theo phân công của Hiệu trưởng thì được tính tối đa là 04 ngày/người/tháng.

- Trường hợp thiếu giáo viên, Hiệu trưởng bố trí 01 giáo viên/lớp thì được tính tối đa 06 ngày/người/tháng.

- Trường hợp giáo viên không tham gia đầy đủ, tùy theo số giờ vắng của giáo viên mà tính theo thực tế.

- Trường hợp nữ giáo viên có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc có thai từ 06 tháng trở lên (sinh con theo quy định kế hoạch hóa gia đình) thì không phải trực sáng, trực trưa. Trường hợp thiếu giáo viên nhưng các giáo viên này vẫn trực bình thường thì được tính 06 ngày/người/tháng.

b) Giáo viên mầm non trực tiếp đứng lớp có số trẻ vượt từ 20% trở lên so với số trẻ/lớp theo quy định được hưởng phụ cấp 04 ngày/tháng/giáo viên (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

c) Giáo viên mầm non mới ra trường, trong thời gian tập sự được hỗ trợ thêm 15% cho đủ 100% lương bậc khởi điểm và phụ cấp (nếu có).

d) Hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cán bộ quản lý, giáo viên mẫu giáo và 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với giáo viên nhà trẻ (bao gồm cả giáo viên trong thời gian tập sự), thời gian hỗ trợ là 05 năm.

đ) Hỗ trợ giáo viên mầm non tuyển dụng mới

Hỗ trợ chế độ thu hút đối với giáo viên mầm non tuyển dụng mới bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng, thời gian hỗ trợ là 05 năm.

2.1.15. Hỗ trợ cho giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu)

Giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu) tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập (nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non) được hỗ trợ 35% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có).

2.1.16. Hỗ trợ giáo viên tiểu học dạy lớp vượt số học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn dạy lớp tiểu học có số học sinh vượt từ 20% trở lên so với số học sinh/lớp theo quy định được hỗ trợ thêm 18 giờ dạy/giáo viên/tháng (cách tính như phụ cấp tiền dạy thêm giờ). Thời gian hưởng 09 tháng/năm.

2.1.17. Hỗ trợ tiền thuê nhà trọ đối với công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở

Công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập (gồm

giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tính) được điều động, phân công công tác cách xa nơi đăng ký thường trú từ 30 km trở lên, không được bố trí nhà công vụ mà phải thuê nhà ở thì được hỗ trợ tiền thuê nhà trọ bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thời điểm được điều động, phân công phải sau thời điểm đăng ký thường trú).

Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 (năm) năm.

Công chức, viên chức trong thời gian hưởng chế độ hỗ trợ trên sẽ không hưởng chế độ hỗ trợ được quy định tại khoản 2.1.8, điểm 2, mục IV của Tờ trình này.

2.1.18. Hỗ trợ giáo viên, giảng viên làm đồ dùng dạy học, thao giảng, thực hành.

a) Tiền thưởng người làm đồ dùng dạy học ở hội thi cấp tỉnh:

- Đạt loại A: 1.000.000 đồng/đồ dùng.

- Đạt loại B: 750.000 đồng/đồ dùng.

- Đạt loại C: 500.000 đồng/đồ dùng.

b) Hỗ trợ giáo viên, giảng viên dự thi thao giảng thực hành các bậc học, cấp học:

- Giáo viên dự thi: 200.000 đồng/tiết (tính theo số tiết quy định)

- Tiền làm đồ dùng dạy học minh họa cho tiết giảng thực hành: 100.000 đồng/đồ dùng.

2.1.19. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải quốc gia.

a) Giải nhất: Bằng 10 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 03 lần mức lương cơ sở/giải.

2.1.20. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia.

a) Giải nhất: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 2,5 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/giải.

2.1.21. Hỗ trợ giáo viên bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

a) Giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia được hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương cơ sở/tiết dạy. Số tiết dạy không quá 360 tiết/môn học/năm học/khối lớp.

b) Mời chuyên gia bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.1.22. Hỗ trợ cho công chức, viên chức trực tiếp tham gia sinh hoạt hè là 200.000 đồng/người/toàn đợt hè và định mức hỗ trợ tiền xăng xe cho thanh niên tình nguyện phục vụ công tác hè là 100.000 đồng/người/toàn đợt hè.

2.1.23. Hỗ trợ một lần đối với các xã, phường, thị trấn và các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn về công tác phổ cập giáo dục bậc trung học.

a) Cấp xã: 2.000.000 đồng/xã.

b) Cấp huyện: 10.000.000 đồng/huyện.

2.2. Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên

2.2.1. Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non

Trẻ em 5 tuổi (đang học lớp Lá) tại các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo của tỉnh; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế được hỗ trợ tiền ăn trưa với mức bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/trẻ/tháng (được hưởng theo thời gian học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học).

2.2.2. Chế độ khen thưởng học sinh trúng tuyển đại học đạt điểm cao

Học sinh học ở các trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương nếu có điểm trúng tuyển đại học hàng năm đạt số điểm cao thì được thưởng như sau:

a) Đạt từ 29 điểm trở lên được thưởng 10 lần mức lương cơ sở/học sinh.

b) Đạt từ 27 điểm đến dưới 29 điểm được thưởng 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.

c) Đạt từ 26 điểm đến dưới 27 điểm được thưởng 02 lần mức lương cơ sở/học sinh.

d) Đạt từ 24 điểm đến dưới 26 điểm được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh.

2.2.3. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải tại các kỳ thi

a) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc tế:

- Giải nhất: 15 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải nhì: 13 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải ba: 11 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải khuyến khích: 07 lần mức lương cơ sở/ giải.

b) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc gia:

- Giải nhất: 10 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải nhì: 07 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải ba: 05 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải khuyến khích: 03 lần mức lương cơ sở/ giải.

c) Học sinh, sinh viên giỏi cấp tỉnh:

- Giải I: 0,6 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải II: 0,4 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải III: 0,3 lần mức lương cơ sở/ giải.

d) Học sinh đạt thủ khoa, học sinh đạt loại giỏi kỳ thi trung học phổ thông quốc gia (trường hợp học sinh vừa đạt thủ khoa vừa đạt loại giỏi thì được hưởng mức cao nhất).

- Đạt thủ khoa: 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.
- Đạt loại giỏi: 01 lần mức lương cơ sở/học sinh.

đ) Học sinh, sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập tốt nghiệp thủ khoa đạt loại giỏi được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh, sinh viên.

2.2.4. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia

- a) Giải nhất: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.
- b) Giải nhì: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.
- c) Giải ba: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.
- d) Giải khuyến khích: Bằng 02 lần mức lương cơ sở/giải.

2.2.5. Hỗ trợ học bổng cho học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh

Học sinh cấp trung học phổ thông đạt giải 3 trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (trừ học sinh trường chuyên Hùng Vương đã nhận học bổng khuyến khích học tập) được hỗ trợ học bổng bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng, thời gian hỗ trợ từ khi được công nhận kết quả thi đến hết năm học.

2.2.6. Hỗ trợ cho học sinh là thành viên đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia khi tập trung bồi dưỡng

a) Tiền đi lại, tiền thuê phòng ngủ: Mức chi tối đa bằng chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

b) Tiền ăn học sinh là thành viên đội tuyển học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

c) Tiền ăn học sinh là thành viên dự thi học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

2.2.7. Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt cho học sinh nội trú, bán trú tại trường Trung học phổ thông chuyên, trường trung học phổ thông chất lượng cao và trường trung học cơ sở tạo nguồn có ký túc xá (thực hiện 09 tháng/năm)

a) Đối với học sinh nội trú: Định mức điện 25kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 4m³/học sinh/tháng.

b) Đối với học sinh bán trú: Định mức điện 10kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 2m³/học sinh/tháng.

2.3. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chuyên

2.3.1. Hỗ trợ học sinh

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật:

- Học sinh nội trú: 01 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

- Học sinh bán trú: 0,5 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

b) Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.3.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu) bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.3.3. Hỗ trợ giáo viên (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy môn chuyên bằng 02 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Giáo viên dạy môn không chuyên bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.3.4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị) bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.3.5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 30.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 4.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.3.6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 15.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.000.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 750.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.3.7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.3.8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

2.3.9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

2.4. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chất lượng cao

2.4.1. Hỗ trợ học sinh.

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh bán trú thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật: 0,45 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,15 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.4.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.4.3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp chất lượng cao (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy trên 10 tiết/tuần: 1,7 mức lương cơ sở/người/tháng;

b) Giáo viên dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

2.4.4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị): 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.4.5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 25.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học mức tối đa không quá 3.000.000 đồng/giáo trình/môn học;

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 600.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.4.6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.500 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 300.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.4.7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.4.8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

2.4.9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

2.5. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học cơ sở tạo nguồn và trường trung học cơ sở có lớp tạo nguồn

2.5.1. Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả giỏi, khá cuối học kỳ (thực hiện 09 tháng/năm học).

a) Học sinh đạt loại giỏi: 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Học sinh đạt loại khá: 0,07 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.5.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.5.3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp tạo nguồn (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Dạy trên 10 tiết/tuần: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.5.4. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường và phân hóa tăng cường đối với lớp tạo nguồn:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 20.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 4.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 400.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.5.5. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.300.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 200.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.5.6. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần.

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh về xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Gửi kèm theo:

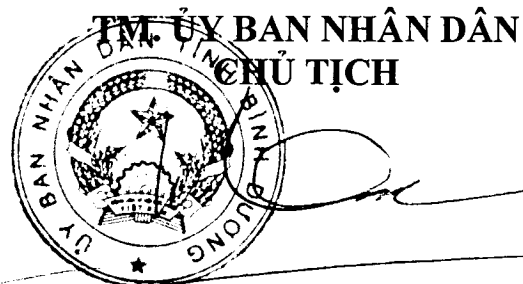
1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

2. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

3. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức về nội dung dự thảo Nghị quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo)./.*đ*

Nơi nhận: *đ*

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT, H. *đ*



Trần Thanh Liêm

DỰ THẢO 4

NGHỊ QUYẾT

Về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX – KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày.....tháng.....năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức và nhân viên

1. Hỗ trợ nhân viên cấp dưỡng

a) Nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 01 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Riêng đối với nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non, ngoài chế độ hỗ trợ nêu trên, trong trường hợp phục vụ số trẻ vượt quá số lượng theo quy định thì được hỗ trợ thêm 05 ngày tiền lương hiện hưởng/người/tháng.

Nhằm bảo đảm sức khỏe cho cấp dưỡng để hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo đảm vệ sinh chăm sóc trẻ, mỗi đơn vị chỉ được phép thiếu tối đa 02 cấp dưỡng trong năm học.

2. Hỗ trợ nhân viên phục vụ

Nhân viên phục vụ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ

thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 500.000 đồng/tháng.

3. Hỗ trợ nhân viên bảo vệ

Nhân viên bảo vệ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 600.000 đồng/tháng và tiền trang phục với mức 600.000 đồng/02 bộ/năm.

4. Hỗ trợ giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn

Giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

5. Hỗ trợ tiền trang phục

Công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng trực tiếp làm công tác phục vụ các lớp bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập có lớp bán trú (nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo) được hỗ trợ tiền trang phục với mức 300.000 đồng/2 bộ/năm.

6. Hỗ trợ cho viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập

Viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

7. Hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên

Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên (khi tuyển dụng có chuyên ngành đào tạo là sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo không phải là sư phạm và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) không trực tiếp giảng dạy, được phân công làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

- Hỗ trợ 30% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp.

- Hỗ trợ 25% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với

trường cao đẳng, giáo dục đại học.

Đối với chức danh Kế toán, Văn thư, Thủ quỹ, Y tế phải được phân công trước ngày 01/7/2012.

8. Hỗ trợ công chức, viên chức khi được điều động, phân công công tác ở các địa phương khác nơi đăng ký thường trú như sau:

- a) Từ 20km đến 40km được hỗ trợ 100.000 đồng/tháng.
- b) Trên 40km được hỗ trợ 150.000 đồng/tháng.

9. Hỗ trợ Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân

a) Nhà giáo Ưu tú: 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo ưu tú đã nghỉ hưu.

b) Nhà giáo Nhân dân: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo nhân dân đã nghỉ hưu.

10. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp nhân kỷ niệm “Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11” hằng năm: 200.000 đồng/người.

11. Hỗ trợ cho công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; công chức, viên chức thuộc trường mầm non công lập được phân công quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập đóng trên địa bàn:

a) Được hưởng phụ cấp: 01 ngày/tuần/người (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

b) Việc phân công công chức, viên chức thực hiện quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập phải được người có thẩm quyền ra quyết định cụ thể theo phân cấp quản lý hiện hành.

12. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên của nhà trẻ, mẫu giáo bán trú và các trường mầm non bán trú: 200.000 đồng/người/tháng.

13. Hỗ trợ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non công lập

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng các trường bán trú phải trực tiếp tham gia hỗ trợ và kiểm tra giáo viên về công tác chăm sóc và tổ chức giờ ăn, giờ ngủ cho trẻ tại các nhóm lớp, được hỗ trợ:

a) Đơn vị là nhà trẻ, trường mầm non bán trú thì được tính 02 ngày/người/tháng.

b) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn dưới 04 lớp thì được tính 01 ngày/người/tháng.

c) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn từ 04 lớp trở lên thì được tính 1,5 ngày/người/tháng.

14. Hỗ trợ giáo viên cơ sở giáo dục mầm non công lập

a) Đối với các đơn vị có tổ chức ăn, giáo viên đến sớm trước 06 giờ 30 sáng để vệ sinh phòng, nhóm lớp, chuẩn bị đồ chơi để tổ chức đón trẻ và chuẩn

bị các điều kiện tổ chức cho trẻ ăn sáng; tổ chức và trực trưa cho trẻ ngủ (từ 11 giờ 30 đến 13 giờ 30); tổ chức trả trẻ từ (16 giờ 30 đến 17 giờ 30), được gọi chung là “trực sáng, trực trưa”.

- Trường hợp nếu giáo viên tham gia trực sáng, trực trưa đầy đủ trong tháng theo phân công của Hiệu trưởng thì được tính tối đa là 04 ngày/người/tháng.

- Trường hợp thiếu giáo viên, Hiệu trưởng bố trí 01 giáo viên/lớp thì được tính tối đa 06 ngày/người/tháng.

- Trường hợp giáo viên không tham gia đầy đủ, tùy theo số giờ vắng của giáo viên mà tính theo thực tế.

- Trường hợp nữ giáo viên có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc có thai từ 06 tháng trở lên (sinh con theo quy định kế hoạch hóa gia đình) thì không phải trực sáng, trực trưa. Trường hợp thiếu giáo viên nhưng các giáo viên này vẫn trực bình thường thì được tính 06 ngày/người/tháng.

b) Giáo viên mầm non trực tiếp đứng lớp có số trẻ vượt từ 20% trở lên so với số trẻ/lớp theo quy định được hưởng phụ cấp 04 ngày/tháng/giáo viên (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

c) Giáo viên mầm non mới ra trường, trong thời gian tập sự được hỗ trợ thêm 15% cho đủ 100% lương bậc khởi điểm và phụ cấp (nếu có).

d) Hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cán bộ quản lý, giáo viên mẫu giáo và 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với giáo viên nhà trẻ (bao gồm cả giáo viên trong thời gian tập sự), thời gian hỗ trợ là 05 năm.

đ) Hỗ trợ giáo viên mầm non tuyển dụng mới

Hỗ trợ chế độ thu hút đối với giáo viên mầm non tuyển dụng mới bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng, thời gian hỗ trợ là 05 năm.

15. Hỗ trợ cho giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu)

Giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu) tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập (nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non) được hỗ trợ 35% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có).

16. Hỗ trợ giáo viên tiểu học dạy lớp vượt số học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn dạy lớp tiểu học có số học sinh vượt từ 20% trở lên so với số học sinh/lớp theo quy định được hỗ trợ thêm 18 giờ dạy/giáo viên/tháng (cách tính như phụ cấp tiền dạy thêm giờ). Thời gian hưởng 09 tháng/năm.

17. Hỗ trợ tiền thuê nhà trọ đối với công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở

Công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập (gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề

ngiệp - giáo dục thường xuyên và Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh) được điều động, phân công công tác cách xa nơi đăng ký thường trú từ 30 km trở lên, không được bố trí nhà công vụ mà phải thuê nhà ở thì được hỗ trợ tiền thuê nhà trọ bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thời điểm được điều động, phân công phải sau thời điểm đăng ký thường trú).

Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 (năm) năm.

Công chức, viên chức trong thời gian hưởng chế độ hỗ trợ trên sẽ không hưởng chế độ hỗ trợ được quy định tại Khoản 8 Điều này.

18. Hỗ trợ giáo viên, giảng viên làm đồ dùng dạy học, thao giảng, thực hành.

a) Tiền thưởng người làm đồ dùng dạy học ở hội thi cấp tỉnh:

- Đạt loại A: 1.000.000 đồng/đồ dùng.

- Đạt loại B: 750.000 đồng/đồ dùng.

- Đạt loại C: 500.000 đồng/đồ dùng.

b) Hỗ trợ giáo viên, giảng viên dự thi thao giảng thực hành các bậc học, cấp học:

- Giáo viên dự thi: 200.000 đồng/tiết (tính theo số tiết quy định)

- Tiền làm đồ dùng dạy học minh họa cho tiết giảng thực hành: 100.000 đồng/đồ dùng.

19. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải quốc gia.

a) Giải nhất: Bằng 10 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 03 lần mức lương cơ sở/giải.

20. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia.

a) Giải nhất: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 2,5 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/giải.

21. Hỗ trợ giáo viên bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

a) Giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia được hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương cơ sở/tiết dạy. Số tiết dạy không quá 360 tiết/môn học/năm học/khối lớp.

b) Mời chuyên gia bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

22. Hỗ trợ cho công chức, viên chức trực tiếp tham gia sinh hoạt hè là 200.000 đồng/người/toàn đợt hè và định mức hỗ trợ tiền xăng xe cho thanh niên tình nguyện phục vụ công tác hè là 100.000 đồng/người/toàn đợt hè.

23. Hỗ trợ một lần đối với các xã, phường, thị trấn và các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn về công tác phổ cập giáo dục bậc trung học.

a) Cấp xã: 2.000.000 đồng/xã.

b) Cấp huyện: 10.000.000 đồng/huyện.

Điều 2. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên

1. Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non

Trẻ em 5 tuổi (đang học lớp Lá) tại các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo của tỉnh; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế được hỗ trợ tiền ăn trưa với mức bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/trẻ/tháng (được hưởng theo thời gian học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học).

2. Chế độ khen thưởng học sinh trúng tuyển đại học đạt điểm cao

Học sinh học ở các trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương nếu có điểm trúng tuyển đại học hàng năm đạt số điểm cao thì được thưởng như sau:

a) Đạt từ 29 điểm trở lên được thưởng 10 lần mức lương cơ sở/học sinh.

b) Đạt từ 27 điểm đến dưới 29 điểm được thưởng 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.

c) Đạt từ 26 điểm đến dưới 27 điểm được thưởng 02 lần mức lương cơ sở/học sinh.

d) Đạt từ 24 điểm đến dưới 26 điểm được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh.

3. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải tại các kỳ thi

a) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc tế:

- Giải nhất: 15 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải nhì: 13 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải ba: 11 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải khuyến khích: 07 lần mức lương cơ sở/ giải.

b) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc gia:

- Giải nhất: 10 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải nhì: 07 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải ba: 05 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải khuyến khích: 03 lần mức lương cơ sở/ giải.

c) Học sinh, sinh viên giỏi cấp tỉnh:

- Giải I: 0,6 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải II: 0,4 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải III: 0,3 lần mức lương cơ sở/ giải.

d) Học sinh đạt thủ khoa, học sinh đạt loại giỏi kỳ thi trung học phổ thông quốc gia (trường hợp học sinh vừa đạt thủ khoa vừa đạt loại giỏi thì được hưởng mức cao nhất).

- Đạt thủ khoa: 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.
- Đạt loại giỏi: 1 lần mức lương cơ sở/học sinh.

đ) Học sinh, sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập tốt nghiệp thủ khoa đạt loại giỏi được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh, sinh viên.

4. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia

- a) Giải nhất: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.
- b) Giải nhì: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.
- c) Giải ba: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.
- d) Giải khuyến khích: Bằng 02 lần mức lương cơ sở/giải.

5. Hỗ trợ học bổng cho học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh

Học sinh cấp trung học phổ thông đạt giải 3 trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (trừ học sinh trường chuyên Hùng Vương đã nhận học bổng khuyến khích học tập) được hỗ trợ học bổng bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng, thời gian hỗ trợ từ khi được công nhận kết quả thi đến hết năm học.

6. Hỗ trợ cho học sinh là thành viên đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia khi tập trung bồi dưỡng

a) Tiền đi lại, tiền thuê phòng ngủ: Mức chi tối đa bằng chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

b) Tiền ăn học sinh là thành viên đội tuyển học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

c) Tiền ăn học sinh là thành viên dự thi học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

7. Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt cho học sinh nội trú, bán trú tại trường Trung học phổ thông chuyên, trường trung học phổ thông chất lượng cao và trường trung học cơ sở tạo nguồn có ký túc xá (thực hiện 09 tháng/năm)

a) Đối với học sinh nội trú: Định mức điện 25kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 4m³/học sinh/tháng.

b) Đối với học sinh bán trú: Định mức điện 10kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 2m³/học sinh/tháng.

Điều 3. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chuyên

1. Hỗ trợ học sinh

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật:

- Học sinh nội trú: 1,0 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;
- Học sinh bán trú: 0,5 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

b) Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu) bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

3. Hỗ trợ giáo viên (thực hiện 09 tháng/năm):

- a) Giáo viên dạy môn chuyên bằng 02 lần mức lương cơ sở/người/tháng.
- b) Giáo viên dạy môn không chuyên bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị) bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 30.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 4.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 15.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.000.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 750.000 đồng/giáo trình/môn học.

7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

Điều 4. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chất lượng cao

1. Hỗ trợ học sinh.

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh bán trú thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật: 0,45 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,15 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp chất lượng cao (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy trên 10 tiết/tuần: 1,7 mức lương cơ sở/người/tháng;

b) Giáo viên dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị): 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 25.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học mức tối đa không quá 3.000.000 đồng/giáo trình/môn học;

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 600.000 đồng/giáo trình/môn học.

6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.500 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 300.000 đồng/giáo trình/môn học.

7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

Điều 5. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học cơ sở tạo nguồn và trường trung học cơ sở có lớp tạo nguồn

1. Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả giỏi, khá cuối học kỳ (thực hiện 09 tháng/năm học).

a) Học sinh đạt loại giỏi: 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Học sinh đạt loại khá: 0,07 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp tạo nguồn (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Dạy trên 10 tiết/tuần: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

4. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường và phân hóa tăng cường đối với lớp tạo nguồn:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 20.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 4.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 400.000 đồng/giáo trình/môn học.

5. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.300.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 200.000 đồng/giáo trình/môn học.

6. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần.

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

Điều 6. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

1. Nghị quyết số 44/2011/NQ-HĐND8 ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề;

2. Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND8 ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chính sách, chế độ hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương;

3. Nghị quyết số 36/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chính sách hỗ trợ đối với viên chức ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương;

4. Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND9 ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với đơn vị, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương.

Điều 7. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương Khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày ... tháng... năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, GDĐT, LĐTB-XH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh Website tỉnh Bình Dương;
- Chuyên viên VP: ĐĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTH.

CHỦ TỊCH**Võ Văn Minh**

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương

Thực hiện chức năng thẩm định văn bản theo quy định tại Điều 121 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh tại Công văn số 933/SGDĐT-TCCB ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp. Sau khi nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương (gọi tắt là dự thảo Nghị quyết) với các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Thời gian qua, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy định chế độ, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc thực hiện các văn bản hiện hành của tỉnh về lĩnh vực này tại: "Nghị quyết số 44/2011/NQ-HĐND8 ngày 08 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh Bình Dương Khóa VIII - Kỳ họp thứ 2 về việc hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề; Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND8 ngày 18 tháng 7 năm 2012 của HĐND tỉnh Bình Dương Khóa VIII - Kỳ họp thứ 4 về chính sách, chế độ hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 36/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh Bình Dương Khóa VIII - Kỳ họp thứ 13 về chính sách hỗ trợ đối với viên chức ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND9 ngày 12 tháng 8 năm 2016 của HĐND tỉnh Bình Dương Khóa IX - Kỳ họp thứ 2 về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với đơn vị, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương; Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Bình Dương về việc hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề; Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh Bình Dương về chính sách, chế độ hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương; Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành chính

sách hỗ trợ đối với viên chức ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương; Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Dương về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với đơn vị, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương; Công văn số 269/HĐND-TT ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương Khóa VIII về việc hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương; Công văn số 3245/UBND-VX ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc kinh phí bồi dưỡng cho giáo viên và hỗ trợ tiền xăng xe cho Thanh niên tình nguyện hè; Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt một số chế độ, định mức chi cho cán bộ, giáo viên ngành Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 344/UBND-VX ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chế độ dạy thêm giờ trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập” không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hiện nay của tỉnh.

Căn cứ Điểm a Khoản 4 và Điểm đ Khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước. Đồng thời, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (tại các văn bản: Công văn số 366/UBND-KTTH ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc rà soát chính sách, chế độ chi của địa phương; Công văn số 4391/UBND-KTTH ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc tham mưu bãi bỏ một số quy định trong các Nghị quyết có liên quan đến các xã khó khăn trên địa bàn tỉnh Bình Dương), Sở Tư pháp thống nhất việc xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành “Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương” là cần thiết, đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật. Đồng thời, việc hợp nhất các chế độ, chính sách hỗ trợ này vào một văn bản mới vừa là quyền, vừa là nhiệm vụ theo luật định, đảm bảo đúng theo quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế, thuận lợi cho việc áp dụng và thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Trong quá trình cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp đã có phối hợp, trao đổi góp ý, chỉnh sửa trực tiếp và có ý kiến thẩm định đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết (tại Báo cáo số 18/BC-STP ngày 01/3/2019). Theo đó, các ý kiến góp ý về nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày của Sở Tư pháp đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh lý. Đối với dự thảo Nghị quyết lần này, sau khi nghiên cứu, đối chiếu dự thảo Nghị quyết với các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp nhận thấy nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với quy định pháp luật, tình hình thực tế tại địa phương.

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới, Sở Tư pháp đã xem xét, đánh giá vấn đề này trong quá trình thẩm định dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo các yêu cầu về sử dụng ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

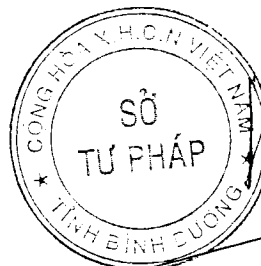
*** Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.**

Trên đây là ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp báo cáo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chuyển Quý cơ quan soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./

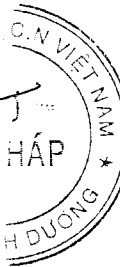
Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Giám đốc;
- Đ/c Cg (để biết);
- Lưu VT, XDKT, “pdf”, (2).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Hoa



BÁO CÁO

Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức về nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương

Căn cứ Công văn số 75/HĐND-VHXXH ngày 19/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương,

Sở Giáo dục và Đào tạo dự thảo 02 văn bản theo quy định để chuẩn bị hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp thường lệ giữa năm 2019 và đã gửi đến các cơ quan, tổ chức liên quan để góp ý; công thông tin điện tử tỉnh Bình Dương để lấy kiến của công dân, cụ thể:

- Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương.

Đến nay đã hết thời gian theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo đã nhận được văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức về nội dung dự thảo 02 văn bản nêu trên. Về cơ bản, các cơ quan, tổ chức đều thống nhất với nội dung dự thảo của 02 văn bản, một số nội dung góp ý Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, giải trình như sau:

- Công văn số 126/MTTQ-BTT ngày 13/5/2019 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương thống nhất với nội dung dự thảo.

- Công văn số 1273/STC-HCSN ngày 08/5/2019 của Sở Tài chính về việc góp ý chế độ, chính sách: Sở Tài chính thống nhất với nội dung dự thảo.

- Công văn số 602/SNV-ĐTBC ngày 09/5/2019 của Sở Nội vụ về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương: Sở Nội vụ thống nhất với nội dung dự thảo.

- Công văn số 2121/SLĐTBXH-DN ngày 14/5/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương: Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến đóng góp và giải trình một số nội dung như sau:

+ Đề nghị bổ sung từ “sinh viên” vào tiêu đề trích yếu của dự thảo Nghị quyết: Sở Giáo dục và Đào tạo đã bổ sung theo đề nghị.

+ Đề nghị bổ sung từ “giảng viên” sau từ “giáo viên” tại các Khoản 18, 19, 20, 21 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết: Sở Giáo dục và Đào tạo đã bổ sung theo đề nghị vào Khoản 18 (Hỗ trợ giáo viên làm đồ dùng dạy học, thao giảng, thực hành). Riêng quy định tại Khoản 19, 20, 21 là các chế độ khen thưởng, hỗ trợ cho giáo viên có học sinh đạt giải các cuộc thi học sinh giỏi cấp quốc gia dành cho bậc học phổ thông nên không thể bổ sung đối tượng là giảng viên dạy nghề.

+ Đề nghị bổ sung cụm từ “Trường trung cấp, cao đẳng được đầu tư nghề trọng điểm” vào Điều 3 và cụm từ “Trường nghề chất lượng cao” vào Điều 4 của dự thảo Nghị quyết: Sở Giáo dục và Đào tạo không thể bổ sung các cụm từ này vào nội dung dự thảo Nghị quyết theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vì các chế độ, chính sách hỗ trợ cho trường Trung học phổ thông chuyên, trường Trung học phổ thông chất lượng cao được thực hiện trên cơ sở “Đề án trường Trung học phổ thông chuyên” và “Đề án trường Trung học phổ thông chất lượng cao” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Báo cáo số 22/BC-BBT ngày 22/5/2019 của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Dương báo cáo kết quả lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết “về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương”: Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Dương không nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trên đây là tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức về nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương./. *Av*

Nơi nhận:

- UBMTTQVN tỉnh Bình Dương;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở LĐ-TB&XH;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh BD;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB, T.10 *✓*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sáng



Cơ quan: Sở Lao động Thương binh
và Xã hội, Tỉnh Bình Dương
Email: soldtbxh@binhduong.gov.vn
Thời gian ký: 14.05.2019 14:54:11
+07:00

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *MM* /SLĐTBXH-DN

Bình Dương, ngày 14 tháng 5 năm 2019

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội
đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính
sách hỗ trợ đối với công chức, viên
chức, nhân viên và học sinh ngành
Giáo dục và Đào tạo, ngành Giáo dục
nghề nghiệp tỉnh Bình Dương

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Ngày 24/4/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Công văn số 712/SGDĐT-TCCB ngày 23/4/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương. Sau khi nghiên cứu, Sở có ý kiến như sau:

1. Về tên gọi: Đề nghị ban soạn thảo xem xét bổ sung từ “sinh viên” thành “Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương”.

2. Về nội dung: Đề nghị ban soạn thảo sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bổ sung từ “giảng viên” sau từ “giáo viên” tại các mục 18, 19, 20, 21 của Điều 1. Lý do, làm cơ sở cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chỉ cho các giáo viên giảng viên trong các kỳ thi, hội thi cấp quốc gia.

- Bổ sung từ “trường trung cấp, cao đẳng được đầu tư nghề trọng điểm” vào Điều 3 thành “quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường Trung học phổ thông chuyên, trường trung cấp, cao đẳng được đầu tư nghề trọng điểm”.

- Bổ sung từ “Trường nghề chất lượng cao” vào Điều 4 thành “Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh tại các trường Trung học phổ thông chất lượng cao, Trường nghề chất lượng cao.”

3. Về thể thức: Đề nghị áp dụng theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương.

Công văn này thay thế Công văn số 1838/SLĐT BXH-DN ngày 08/5/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. *Hyh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, DN, T(4b).

tr. **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC

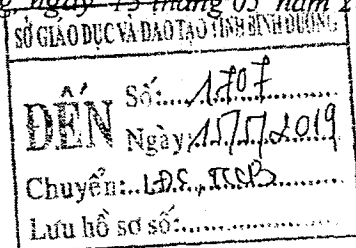
Phạm Văn Tuyên

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 13 tháng 05 năm 2019

Số: 126/MTTQ-BTT
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh về chế độ, chính sách hỗ
trợ đối với công chức, viên chức,
nhân viên và học sinh ngành giáo dục
và đào tạo và giáo dục nghề nghiệp
tỉnh Bình Dương”



Kính gửi: **Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Dương**

Ngày 23/04/2019, Sở giáo dục và đào tạo tỉnh có công văn số 712/SGDDĐT-TCCB về việc đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành giáo dục và đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các quy định hiện hành. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh thông nhất với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành giáo dục và đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương do Sở giáo dục và đào tạo tỉnh tham mưu xây dựng. Đồng thời, đề nghị Sở giáo dục và đào tạo tỉnh tiếp tục thực hiện các quy trình theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Lưu: VP & Ban DC-PL.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Huỳnh Đình

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN BIÊN TẬP CÔNG TTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/BC-BBT

Bình Dương, ngày 22 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết về “Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương”

Thực hiện theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 713/SGDDĐT-TCCB ngày 23/4/2019, Ban Biên tập Công Thông tin điện tử đã đăng tải dự thảo Nghị quyết về “Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương”, trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (từ ngày 23/4/2019 đến ngày 22/5/2019).

Đến thời điểm báo cáo, Cổng Thông tin điện tử không nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Ban Biên tập báo cáo đề Sở Giáo dục và Đào tạo được biết.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- HĐND;
- TB, PTB Ban Biên tập;
- Lưu: VT.

**TM. BAN BIÊN TẬP
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Người ký: Phan Thanh Nam
Email: nampt@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Sở Thông tin và Truyền thông, Tỉnh Bình Dương

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 502 /SNV-ĐTBC

Bình Dương, ngày 09 tháng 5 năm 2019

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành GD - ĐT và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

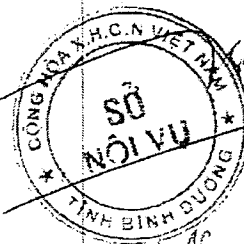
Sở Nội vụ nhận được công văn số 712/SGDDĐT-TCCB ngày 23/4/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các văn bản, Sở Nội vụ thống nhất với các nội dung do Sở Giáo dục và Đào tạo dự thảo tại Tờ trình và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐTBC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh



Người ký: Sở Tài chính
Email:
sotc@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 08.05.2019
15:56:14 +07:00

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1273 / STC-HCSN
V/v góp ý chế độ, chính sách.

Bình Dương, ngày 08 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương

Sở Tài chính góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 712/SGDĐT-TCCB ngày 23/4/2019 như sau:

Căn cứ Công văn số 75/HĐND-VHXXH ngày 19/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 2632/STC-HCSN ngày 14/9/2018 của Sở Tài chính về việc góp ý chế độ chính sách;

Thông nhất với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương tại công văn nói trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCSN, Thùý.

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Văn Thuận

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức,
viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo,
Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Công văn số 75/HĐND-VHXXH ngày 19/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Thông báo kết luận số 116/TB-UBND ngày 19/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trần Thanh Liêm tại phiên họp lần thứ 16 - Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX;

Căn cứ Văn bản số 59/BC-STP ngày 06/6/2019 của Sở Tư pháp báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương;

Sau khi trao đổi, thống nhất với Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh cùng các Sở ngành liên quan, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương dự thảo Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Trong thời gian vừa qua, tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp, những chế độ hỗ trợ của tỉnh đã động viên, khuyến khích đội ngũ trong toàn ngành, góp phần tích cực trong quá trình phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh nhà. Tuy nhiên, những chế độ hỗ trợ này được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, một số văn bản đã hết hiệu lực một phần nên phần nào khó khăn trong việc áp dụng thực hiện vì phải tra cứu nhiều văn bản. Đến nay, một số chế độ không còn phù hợp vì đã ban hành quá lâu, một số chế độ không còn hoạt động tương ứng hoặc đã

có quy định mới của Trung ương,... Để đảm bảo các chế độ hỗ trợ của tỉnh đối với ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp thực hiện được dễ dàng, phù hợp với tình hình thực tế, hiệu quả, không trùng lặp giữa chế độ của trung ương và địa phương, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương nhằm bãi bỏ, hợp nhất, điều chỉnh bổ sung một số chế độ, chính sách là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Việc ban hành văn bản để bãi bỏ, hợp nhất, điều chỉnh bổ sung một số chế độ, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp thành một văn bản quy định chung nhằm bãi bỏ những chế độ đã không còn hoạt động tương ứng hoặc những chế độ đã có quy định mới của Trung ương; hợp nhất các chế độ hỗ trợ của tỉnh được quy định từ nhiều văn bản khác nhau thành một văn bản quy định để dễ dàng trong việc tra cứu, áp dụng thực hiện ở cơ sở. Bên cạnh đó, việc xây dựng chính sách mới còn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho tỉnh nhà.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp giúp cho đơn vị áp dụng được dễ dàng, phù hợp, hiệu quả, không trùng lặp giữa chế độ của trung ương và địa phương. Kịp thời động viên, khuyến khích tinh thần cho học sinh và giáo viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp, không bỏ sót đối tượng thụ hưởng chính sách có tính chất tương đồng nhằm giúp cho học sinh, sinh viên và giáo viên có thêm động lực để học tập và công tác tốt hơn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Giai đoạn 1: Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Sở Giáo dục và Đào tạo soạn thảo nội dung, đề nghị các cơ quan, sở ngành đóng góp ý kiến, đăng tải dự thảo nội dung Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các ý kiến đóng góp, tiếp thu, giải trình các ý kiến của các cơ quan, sở ngành và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Sở Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giai đoạn 2: Soạn thảo, thông qua Nghị quyết.

Sau khi có ý kiến chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (tại công văn số 75/HĐND-VHXXH ngày 19/4/2019) và thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã soạn thảo nội dung Nghị quyết, đề nghị các cơ quan, sở ngành đóng góp ý kiến, đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các ý kiến đóng góp, tiếp thu, giải trình các ý kiến của các cơ quan, sở ngành và các cá nhân, tổ chức có liên quan về nội dung dự thảo Nghị quyết.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương gồm có 8 điều, cụ thể:

Điều 1. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức và nhân viên.

Điều 2. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên.

Điều 3. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chuyên.

Điều 4. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chất lượng cao.

Điều 5. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học cơ sở tạo nguồn và trường trung học cơ sở có lớp tạo nguồn.

Điều 6. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết.

Điều 7. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức và nhân viên.

2.1.1. Hỗ trợ nhân viên cấp dưỡng

a) Nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 01 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Riêng đối với nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non, ngoài chế độ hỗ trợ nêu trên, trong trường hợp phục vụ số trẻ vượt quá số lượng theo quy định thì được hỗ trợ thêm 05 ngày tiền lương hiện hưởng/người/tháng.

Nhằm bảo đảm sức khỏe cho cấp dưỡng để hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo đảm vệ sinh chăm sóc trẻ, mỗi đơn vị chỉ được phép thiếu tối đa 02 cấp dưỡng trong năm học.

2.1.2. Hỗ trợ nhân viên phục vụ

Nhân viên phục vụ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 500.000 đồng/tháng.

2.1.3. Hỗ trợ nhân viên bảo vệ

Nhân viên bảo vệ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 600.000 đồng/tháng và tiền trang phục với mức 600.000 đồng/02 bộ/năm.

2.1.4. Hỗ trợ giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn

Giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.1.5. Hỗ trợ tiền trang phục

Công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng trực tiếp làm công tác phục vụ các lớp bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập có lớp bán trú (nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo) được hỗ trợ tiền trang phục với mức 300.000 đồng/2 bộ/năm.

2.1.6. Hỗ trợ cho viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập

Viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.1.7. Hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên

Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên (khi tuyển dụng có chuyên ngành đào tạo là sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo không phải là sư phạm và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) không trực tiếp giảng dạy, được phân công làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

- Hỗ trợ 30% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp.

- Hỗ trợ 25% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với trường cao đẳng, giáo dục đại học.

Đối với chức danh Kế toán, Văn thư, Thủ quỹ, Y tế phải được phân công trước ngày 01/7/2012.

2.1.8. Hỗ trợ công chức, viên chức khi được điều động, phân công công tác ở các địa phương khác nơi đăng ký thường trú như sau:

a) Từ 20km đến 40km được hỗ trợ 100.000 đồng/tháng.

b) Trên 40km được hỗ trợ 150.000 đồng/tháng.

2.1.9. Hỗ trợ Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân

a) Nhà giáo Ưu tú: 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo ưu tú đã nghỉ hưu.

b) Nhà giáo Nhân dân: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo nhân dân đã nghỉ hưu.

2.1.10. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp nhân kỷ niệm “Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11” hằng năm: 200.000 đồng/người.

2.1.11. Hỗ trợ cho công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; công chức, viên chức thuộc trường mầm non công lập được phân công quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập đóng trên địa bàn:

a) Được hưởng phụ cấp: 01 ngày/tuần/người (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

b) Việc phân công công chức, viên chức thực hiện quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập phải được người có thẩm quyền ra quyết định cụ thể theo phân cấp quản lý hiện hành.

2.1.12. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên của nhà trẻ, mẫu giáo bán trú và các trường mầm non bán trú: 200.000 đồng/người/tháng.

2.1.13. Hỗ trợ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non công lập

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng các trường bán trú phải trực tiếp tham gia hỗ trợ và kiểm tra giáo viên về công tác chăm sóc và tổ chức giờ ăn, giờ ngủ cho trẻ tại các nhóm lớp, được hỗ trợ:

a) Đơn vị là nhà trẻ, trường mầm non bán trú thì được tính 02 ngày/người/tháng.

b) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn dưới 04 lớp thì được tính 01 ngày/người/tháng.

c) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn từ 04 lớp trở lên thì được tính 1,5 ngày/người/tháng.

2.1.14. Hỗ trợ giáo viên cơ sở giáo dục mầm non công lập

a) Đối với các đơn vị có tổ chức ăn, giáo viên đến sớm trước 06 giờ 30 sáng để vệ sinh phòng, nhóm lớp, chuẩn bị đồ chơi để tổ chức đón trẻ và chuẩn bị các điều kiện tổ chức cho trẻ ăn sáng; tổ chức và trực trưa cho trẻ ngủ (từ 11 giờ 30 đến 13 giờ 30); tổ chức trả trẻ từ (16 giờ 30 đến 17 giờ 30), được gọi chung là “trực sáng, trực trưa”.

- Trường hợp nếu giáo viên tham gia trực sáng, trực trưa đầy đủ trong tháng theo phân công của Hiệu trưởng thì được tính tối đa là 04 ngày/người/tháng.

- Trường hợp thiếu giáo viên, Hiệu trưởng bố trí 01 giáo viên/lớp thì được tính tối đa 06 ngày/người/tháng.

- Trường hợp giáo viên không tham gia đầy đủ, tùy theo số giờ vắng của giáo viên mà tính theo thực tế.

- Trường hợp nữ giáo viên: có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc có thai từ 06 tháng trở lên (sinh con theo quy định kế hoạch hóa gia đình) thì không phải trực sáng, trực trưa. Trường hợp thiếu giáo viên nhưng các giáo viên này vẫn trực bình thường thì được tính 06 ngày/người/tháng.

b) Giáo viên mầm non trực tiếp đứng lớp có số trẻ vượt từ 20% trở lên so với số trẻ/lớp theo quy định được hưởng phụ cấp 04 ngày/tháng/giáo viên (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

c) Giáo viên mầm non mới ra trường, trong thời gian tập sự được hỗ trợ thêm 15% cho đủ 100% lương bậc khởi điểm và phụ cấp (nếu có).

d) Hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cán bộ quản lý, giáo viên mẫu giáo và 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với giáo viên nhà trẻ (bao gồm cả giáo viên trong thời gian tập sự), thời gian hỗ trợ là 05 năm.

đ) Hỗ trợ giáo viên mầm non tuyển dụng mới

Hỗ trợ chế độ thu hút đối với giáo viên mầm non tuyển dụng mới bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng, thời gian hỗ trợ là 05 năm.

2.1.15. Hỗ trợ cho giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu)

Giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu) tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập (nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non) được hỗ trợ 35% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có).

2.1.16. Hỗ trợ giáo viên tiểu học dạy lớp vượt số học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn dạy lớp tiểu học có số học sinh vượt từ 20% trở lên so với số học sinh/lớp theo quy định được hỗ trợ thêm 18 giờ dạy/giáo viên/tháng (cách tính như phụ cấp tiền dạy thêm giờ). Thời gian hưởng 09 tháng/năm.

2.1.17. Hỗ trợ tiền thuê nhà trọ đối với công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở

Công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập (gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghề nghiệp vụ tỉnh) được điều động, phân công công tác cách xa nơi đăng ký thường trú từ 30 km trở lên, không được bố trí nhà công vụ mà phải thuê nhà ở thì được hỗ trợ tiền thuê nhà trọ bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thời điểm được điều động, phân công phải sau thời điểm đăng ký thường trú).

Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 (năm) năm.

Công chức, viên chức trong thời gian hưởng chế độ hỗ trợ trên sẽ không hưởng chế độ hỗ trợ được quy định tại Khoản 2.1.8, Mục IV của Tờ trình này.

2.1.18. Hỗ trợ giáo viên, giảng viên làm đồ dùng dạy học, thao giảng, thực hành.

a) Tiền thưởng người làm đồ dùng dạy học ở hội thi cấp tỉnh:

- Đạt loại A: 1.000.000 đồng/đồ dùng.
- Đạt loại B: 750.000 đồng/đồ dùng.
- Đạt loại C: 500.000 đồng/đồ dùng.

b) Hỗ trợ giáo viên, giảng viên dự thi thao giảng thực hành các bậc học, cấp học:

- Giáo viên dự thi: 200.000 đồng/tiết (tính theo số tiết quy định)
- Tiền làm đồ dùng dạy học minh họa cho tiết giảng thực hành: 100.000 đồng/đồ dùng.

2.1.19. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải quốc gia.

- a) Giải nhất: Bằng 10 lần mức lương cơ sở/giải.
- b) Giải nhì: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.
- c) Giải ba: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.
- d) Giải khuyến khích: Bằng 03 lần mức lương cơ sở/giải.

2.1.20. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia.

- a) Giải nhất: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.
- b) Giải nhì: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.
- c) Giải ba: Bằng 2,5 lần mức lương cơ sở/giải.
- d) Giải khuyến khích: Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/giải.

2.1.21. Hỗ trợ giáo viên bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

a) Giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia được hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương cơ sở/tiết dạy. Số tiết dạy không quá 360 tiết/môn học/năm học/khối lớp.

b) Mời chuyên gia bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.1.22. Hỗ trợ cho công chức, viên chức trực tiếp tham gia sinh hoạt hè là 200.000 đồng/người/toàn đợt hè và định mức hỗ trợ tiền xăng xe cho thanh niên tình nguyện phục vụ công tác hè là 100.000 đồng/người/toàn đợt hè.

2.1.23. Hỗ trợ một lần đối với các xã, phường, thị trấn và các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn về công tác phổ cập giáo dục bậc trung học.

- a) Cấp xã: 2.000.000 đồng/xã.
- b) Cấp huyện: 10.000.000 đồng/huyện.

2.2. Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên.

2.2.1. Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non

Trẻ em 5 tuổi (đang học lớp Lá) tại các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo của tỉnh; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế được hỗ trợ tiền ăn trưa với mức bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/trẻ/tháng (được hưởng theo thời gian học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học).

2.2.2. Chế độ khen thưởng học sinh trúng tuyển đại học đạt điểm cao

Học sinh học ở các trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương nếu có điểm trúng tuyển đại học hàng năm đạt số điểm cao thì được thưởng như sau:

- a) Đạt từ 29 điểm trở lên được thưởng 10 lần mức lương cơ sở/học sinh.
- b) Đạt từ 27 điểm đến dưới 29 điểm được thưởng 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.
- c) Đạt từ 26 điểm đến dưới 27 điểm được thưởng 02 lần mức lương cơ sở/học sinh.
- d) Đạt từ 24 điểm đến dưới 26 điểm được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh.

2.2.3. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải tại các kỳ thi

- a) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc tế:
 - Giải nhất: 15 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải nhì: 13 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải ba: 11 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải khuyến khích: 07 lần mức lương cơ sở/ giải.

b) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc gia:

- Giải nhất: 10 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải nhì: 07 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải ba: 05 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải khuyến khích: 03 lần mức lương cơ sở/ giải.

c) Học sinh, sinh viên giỏi cấp tỉnh:

- Giải I: 0,6 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải II: 0,4 lần mức lương cơ sở/ giải.
- Giải III: 0,3 lần mức lương cơ sở/ giải.

d) Học sinh đạt thủ khoa, học sinh đạt loại giỏi kỳ thi trung học phổ thông quốc gia (trường hợp học sinh vừa đạt thủ khoa vừa đạt loại giỏi thì được hưởng mức cao nhất).

- Đạt thủ khoa: 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.
- Đạt loại giỏi: 01 lần mức lương cơ sở/học sinh.

đ) Học sinh, sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập tốt nghiệp thủ khoa đạt loại giỏi được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh, sinh viên.

2.2.4. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia

- a) Giải nhất: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.
- b) Giải nhì: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.
- c) Giải ba: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.
- d) Giải khuyến khích: Bằng 02 lần mức lương cơ sở/giải.

2.2.5. Hỗ trợ học bổng cho học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh

Học sinh cấp trung học phổ thông đạt giải 3 trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (trừ học sinh trường chuyên Hùng Vương đã nhận học bổng khuyến khích học tập) được hỗ trợ học bổng bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng, thời gian hỗ trợ từ khi được công nhận kết quả thi đến hết năm học.

2.2.6. Hỗ trợ cho học sinh là thành viên đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia khi tập trung bồi dưỡng

a) Tiền đi lại, tiền thuê phòng ngủ: Mức chi tối đa bằng chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

b) Tiền ăn học sinh là thành viên đội tuyển học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

c) Tiền ăn học sinh là thành viên dự thi học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

2.2.7. Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt cho học sinh nội trú, bán trú tại trường Trung học phổ thông chuyên, trường trung học phổ thông chất lượng cao và trường trung học cơ sở tạo nguồn có ký túc xá (thực hiện 09 tháng/năm)

a) Đối với học sinh nội trú: Định mức điện 25kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 4m³/học sinh/tháng.

b) Đối với học sinh bán trú: Định mức điện 10kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 2m³/học sinh/tháng.

2.3. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chuyên.

2.3.1. Hỗ trợ học sinh

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật:

- Học sinh nội trú: 01 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;
- Học sinh bán trú: 0,5 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

b) Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.3.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu) bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.3.3. Hỗ trợ giáo viên (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy môn chuyên bằng 02 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Giáo viên dạy môn không chuyên bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.3.4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị) bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.3.5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 30.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 4.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.3.6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc sau

một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 15.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.000.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 750.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.3.7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.3.8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

2.3.9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

2.4. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chất lượng cao.

2.4.1. Hỗ trợ học sinh.

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh bán trú thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật: 0,45 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,15 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.4.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.4.3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp chất lượng cao (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy trên 10 tiết/tuần: 1,7 mức lương cơ sở/người/tháng;

b) Giáo viên dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

2.4.4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị): 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.4.5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 25.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học mức tối đa không quá 3.000.000 đồng/giáo trình/môn học;

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 600.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.4.6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.500 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 300.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.4.7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.4.8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

2.4.9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

2.5. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học cơ sở tạo nguồn và trường trung học cơ sở có lớp tạo nguồn.

2.5.1. Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả giỏi, khá cuối học kỳ (thực hiện 09 tháng/năm học).

a) Học sinh đạt loại giỏi: 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Học sinh đạt loại khá: 0,07 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.5.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.5.3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp tạo nguồn (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Dạy trên 10 tiết/tuần: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.5.4. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường và phân hóa tăng cường đối với lớp tạo nguồn:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 20.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 4.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 400.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.5.5. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.300.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 200.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.5.6. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần.

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương, Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 1171/TTr-SGDĐT ngày 21/6/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

(Xin gửi kèm theo: 1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 2. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; 3. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức về nội dung dự thảo Nghị quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo)./. *Mu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TCCB, T.5.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sáng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO 4

NGHỊ QUYẾT

**Về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên
và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo,
Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX – KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương dự thảo Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày.....tháng.....năm 2019 của Ban Văn hóa-Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức và nhân viên

1. Hỗ trợ nhân viên cấp dưỡng

a) Nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 01 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Riêng đối với nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non, ngoài chế độ hỗ trợ nêu trên, trong trường hợp phục vụ số trẻ vượt quá số lượng theo quy định thì được hỗ trợ thêm 05 ngày tiền lương hiện hưởng/người/tháng.

Nhằm bảo đảm sức khoẻ cho cấp dưỡng để hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo đảm vệ sinh chăm sóc trẻ, mỗi đơn vị chỉ được phép thiếu tối đa 02 cấp dưỡng trong năm học.

2. Hỗ trợ nhân viên phục vụ

Nhân viên phục vụ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ

thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 500.000 đồng/tháng.

3. Hỗ trợ nhân viên bảo vệ

Nhân viên bảo vệ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 600.000 đồng/tháng và tiền trang phục với mức 600.000 đồng/02 bộ/năm.

4. Hỗ trợ giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn

Giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

5. Hỗ trợ tiền trang phục

Công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng trực tiếp làm công tác phục vụ các lớp bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập có lớp bán trú (nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo) được hỗ trợ tiền trang phục với mức 300.000 đồng/2 bộ/năm.

6. Hỗ trợ cho viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập

Viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

7. Hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên

Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên (khi tuyển dụng có chuyên ngành đào tạo là sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo không phải là sư phạm và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) không trực tiếp giảng dạy, được phân công làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

- Hỗ trợ 30% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp.

- Hỗ trợ 25% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với

trường cao đẳng, giáo dục đại học.

Đối với chức danh Kế toán, Văn thư, Thủ quỹ, Y tế phải được phân công trước ngày 01/7/2012.

8. Hỗ trợ công chức, viên chức khi được điều động, phân công công tác ở các địa phương khác nơi đăng ký thường trú như sau:

- a) Từ 20km đến 40km được hỗ trợ 100.000 đồng/tháng.
- b) Trên 40km được hỗ trợ 150.000 đồng/tháng.

9. Hỗ trợ Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân

a) Nhà giáo Ưu tú: 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo ưu tú đã nghỉ hưu.

b) Nhà giáo Nhân dân: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo nhân dân đã nghỉ hưu.

10. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp nhân kỷ niệm “Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11” hằng năm: 200.000 đồng/người.

11. Hỗ trợ cho công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; công chức, viên chức thuộc trường mầm non công lập được phân công quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập đóng trên địa bàn:

a) Được hưởng phụ cấp: 01 ngày/tuần/người (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

b) Việc phân công công chức, viên chức thực hiện quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập phải được người có thẩm quyền ra quyết định cụ thể theo phân cấp quản lý hiện hành.

12. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên của nhà trẻ, mẫu giáo bán trú và các trường mầm non bán trú: 200.000 đồng/người/tháng.

13. Hỗ trợ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non công lập

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng các trường bán trú phải trực tiếp tham gia hỗ trợ và kiểm tra giáo viên về công tác chăm sóc và tổ chức giờ ăn, giờ ngủ cho trẻ tại các nhóm lớp, được hỗ trợ:

a) Đơn vị là nhà trẻ, trường mầm non bán trú thì được tính 02 ngày/người/tháng.

b) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn dưới 04 lớp thì được tính 01 ngày/người/tháng.

c) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn từ 04 lớp trở lên thì được tính 1,5 ngày/người/tháng.

14. Hỗ trợ giáo viên cơ sở giáo dục mầm non công lập

a) Đối với các đơn vị có tổ chức ăn, giáo viên đến sớm trước 06 giờ 30 sáng để vệ sinh phòng, nhóm lớp, chuẩn bị đồ chơi để tổ chức đón trẻ và chuẩn

bị các điều kiện tổ chức cho trẻ ăn sáng; tổ chức và trực trưa cho trẻ ngủ (từ 11 giờ 30 đến 13 giờ 30); tổ chức trả trẻ từ (16 giờ 30 đến 17 giờ 30), được gọi chung là “trực sáng, trực trưa”.

- Trường hợp nếu giáo viên tham gia trực sáng, trực trưa đầy đủ trong tháng theo phân công của Hiệu trưởng thì được tính tối đa là 04 ngày/người/tháng.

- Trường hợp thiếu giáo viên, Hiệu trưởng bố trí 01 giáo viên/lớp thì được tính tối đa 06 ngày/người/tháng.

- Trường hợp giáo viên không tham gia đầy đủ, tùy theo số giờ vắng của giáo viên mà tính theo thực tế.

- Trường hợp nữ giáo viên có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc có thai từ 06 tháng trở lên (sinh con theo quy định kế hoạch hóa gia đình) thì không phải trực sáng, trực trưa. Trường hợp thiếu giáo viên nhưng các giáo viên này vẫn trực bình thường thì được tính 06 ngày/người/tháng.

b) Giáo viên mầm non trực tiếp đứng lớp có số trẻ vượt từ 20% trở lên so với số trẻ/lớp theo quy định được hưởng phụ cấp 04 ngày/tháng/giáo viên (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

c) Giáo viên mầm non mới ra trường, trong thời gian tập sự được hỗ trợ thêm 15% cho đủ 100% lương bậc khởi điểm và phụ cấp (nếu có).

d) Hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cán bộ quản lý, giáo viên mẫu giáo và 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với giáo viên nhà trẻ (bao gồm cả giáo viên trong thời gian tập sự), thời gian hỗ trợ là 05 năm.

đ) Hỗ trợ giáo viên mầm non tuyển dụng mới

Hỗ trợ chế độ thu hút đối với giáo viên mầm non tuyển dụng mới bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng, thời gian hỗ trợ là 05 năm.

15. Hỗ trợ cho giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu)

Giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu) tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập (nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non) được hỗ trợ 35% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có).

16. Hỗ trợ giáo viên tiểu học dạy lớp vượt số học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn dạy lớp tiểu học có số học sinh vượt từ 20% trở lên so với số học sinh/lớp theo quy định được hỗ trợ thêm 18 giờ dạy/giáo viên/tháng (cách tính như phụ cấp tiền dạy thêm giờ). Thời gian hưởng 09 tháng/năm.

17. Hỗ trợ tiền thuê nhà trọ đối với công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở

Công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập (gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề

nghiệp - giáo dục thường xuyên và Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tính) được điều động, phân công công tác cách xa nơi đăng ký thường trú từ 30 km trở lên, không được bố trí nhà công vụ mà phải thuê nhà ở thì được hỗ trợ tiền thuê nhà trọ bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thời điểm được điều động, phân công phải sau thời điểm đăng ký thường trú).

Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 (năm) năm.

Công chức, viên chức trong thời gian hưởng chế độ hỗ trợ trên sẽ không hưởng chế độ hỗ trợ được quy định tại Khoản 8 Điều này.

18. Hỗ trợ giáo viên, giảng viên làm đồ dùng dạy học, thao giảng, thực hành.

a) Tiền thưởng người làm đồ dùng dạy học ở hội thi cấp tỉnh:

- Đạt loại A: 1.000.000 đồng/đồ dùng.

- Đạt loại B: 750.000 đồng/đồ dùng.

- Đạt loại C: 500.000 đồng/đồ dùng.

b) Hỗ trợ giáo viên, giảng viên dự thi thao giảng thực hành các bậc học, cấp học:

- Giáo viên dự thi: 200.000 đồng/tiết (tính theo số tiết quy định)

- Tiền làm đồ dùng dạy học minh họa cho tiết giảng thực hành: 100.000 đồng/đồ dùng.

19. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải quốc gia.

a) Giải nhất: Bằng 10 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 03 lần mức lương cơ sở/giải.

20. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia.

a) Giải nhất: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 2,5 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/giải.

21. Hỗ trợ giáo viên bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

a) Giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia được hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương cơ sở/tiết dạy. Số tiết dạy không quá 360 tiết/môn học/năm học/khối lớp.

b) Mời chuyên gia bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

22. Hỗ trợ cho công chức, viên chức trực tiếp tham gia sinh hoạt hè là 200.000 đồng/người/toàn đợt hè và định mức hỗ trợ tiền xăng xe cho thanh niên tình nguyện phục vụ công tác hè là 100.000 đồng/người/toàn đợt hè.

23. Hỗ trợ một lần đối với các xã, phường, thị trấn và các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn về công tác phổ cập giáo dục bậc trung học.

a) Cấp xã: 2.000.000 đồng/xã.

b) Cấp huyện: 10.000.000 đồng/huyện.

Điều 2. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên

1. Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non

Trẻ em 5 tuổi (đang học lớp Lá) tại các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo của tỉnh; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế được hỗ trợ tiền ăn trưa với mức bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/trẻ/tháng (được hưởng theo thời gian học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học).

2. Chế độ khen thưởng học sinh trúng tuyển đại học đạt điểm cao

Học sinh học ở các trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương nếu có điểm trúng tuyển đại học hàng năm đạt số điểm cao thì được thưởng như sau:

a) Đạt từ 29 điểm trở lên được thưởng 10 lần mức lương cơ sở/học sinh.

b) Đạt từ 27 điểm đến dưới 29 điểm được thưởng 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.

c) Đạt từ 26 điểm đến dưới 27 điểm được thưởng 02 lần mức lương cơ sở/học sinh.

d) Đạt từ 24 điểm đến dưới 26 điểm được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh.

3. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải tại các kỳ thi

a) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc tế:

- Giải nhất: 15 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải nhì: 13 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải ba: 11 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải khuyến khích: 07 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc gia:

- Giải nhất: 10 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải nhì: 07 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải ba: 05 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải khuyến khích: 03 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Học sinh, sinh viên giỏi cấp tỉnh:

- Giải I: 0,6 lần mức lương cơ sở/giải.
- Giải II: 0,4 lần mức lương cơ sở/giải.
- Giải III: 0,3 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Học sinh đạt thủ khoa, học sinh đạt loại giỏi kỳ thi trung học phổ thông quốc gia (trường hợp học sinh vừa đạt thủ khoa vừa đạt loại giỏi thì được hưởng mức cao nhất).

- Đạt thủ khoa: 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.
- Đạt loại giỏi: 1 lần mức lương cơ sở/học sinh.

đ) Học sinh, sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập tốt nghiệp thủ khoa đạt loại giỏi được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh, sinh viên.

4. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia

- a) Giải nhất: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.
- b) Giải nhì: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.
- c) Giải ba: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.
- d) Giải khuyến khích: Bằng 02 lần mức lương cơ sở/giải.

5. Hỗ trợ học bổng cho học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh

Học sinh cấp trung học phổ thông đạt giải 3 trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (trừ học sinh trường chuyên Hùng Vương đã nhận học bổng khuyến khích học tập) được hỗ trợ học bổng bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng, thời gian hỗ trợ từ khi được công nhận kết quả thi đến hết năm học.

6. Hỗ trợ cho học sinh là thành viên đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia khi tập trung bồi dưỡng

- a) Tiền đi lại, tiền thuê phòng ngủ: Mức chi tối đa bằng chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.
- b) Tiền ăn học sinh là thành viên đội tuyển học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.
- c) Tiền ăn học sinh là thành viên dự thi học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

7. Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt cho học sinh nội trú, bán trú tại trường Trung học phổ thông chuyên, trường trung học phổ thông chất lượng cao và trường trung học cơ sở tạo nguồn có ký túc xá (thực hiện 09 tháng/năm)

- a) Đối với học sinh nội trú: Định mức điện 25kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 4m³/học sinh/tháng.
- b) Đối với học sinh bán trú: Định mức điện 10kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 2m³/học sinh/tháng.

Điều 3. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chuyên

1. Hỗ trợ học sinh

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật:

- Học sinh nội trú: 1,0 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;
- Học sinh bán trú: 0,5 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

b) Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu) bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

3. Hỗ trợ giáo viên (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy môn chuyên bằng 02 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Giáo viên dạy môn không chuyên bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị) bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 30.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 4.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 15.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.000.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 750.000 đồng/giáo trình/môn học.

7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

Điều 4. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chất lượng cao

1. Hỗ trợ học sinh.

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh bán trú thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật: 0,45 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,15 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp chất lượng cao (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy trên 10 tiết/tuần: 1,7 mức lương cơ sở/người/tháng;

b) Giáo viên dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị): 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 25.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học mức tối đa không quá 3.000.000 đồng/giáo trình/môn học;

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 600.000 đồng/giáo trình/môn học.

6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.500 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 300.000 đồng/giáo trình/môn học.

7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

Điều 5. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học cơ sở tạo nguồn và trường trung học cơ sở có lớp tạo nguồn

1. Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả giỏi, khá cuối học kỳ (thực hiện 09 tháng/năm học).

a) Học sinh đạt loại giỏi: 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Học sinh đạt loại khá: 0,07 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp tạo nguồn (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Dạy trên 10 tiết/tuần: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

4. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường và phân hóa tăng cường đối với lớp tạo nguồn:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 20.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 4.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 400.000 đồng/giáo trình/môn học.

5. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.300.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 200.000 đồng/giáo trình/môn học.

6. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần.

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

Điều 6. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

1. Nghị quyết số 44/2011/NQ-HĐND8 ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng và học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề;

2. Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND8 ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chính sách, chế độ hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương;

3. Nghị quyết số 36/2014/NQ-HĐND8 ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chính sách hỗ trợ đối với viên chức ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương;

4. Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND9 ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với đơn vị, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên ngành Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề tỉnh Bình Dương.

Điều 7. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương Khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày ... tháng... năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, GDĐT, LĐTB-XH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh Website tỉnh Bình Dương;
- Chuyên viên VP: ĐDBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTH.

CHỦ TỊCH**Võ Văn Minh**

Số: /TTr-UBND

Bình Dương, ngày tháng 6 năm 2019

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Trong thời gian vừa qua, tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp, những chế độ hỗ trợ của tỉnh đã động viên, khuyến khích đội ngũ trong toàn ngành, góp phần tích cực trong quá trình phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh nhà. Tuy nhiên, những chế độ hỗ trợ này được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, một số văn bản đã hết hiệu lực một phần nên dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng thực hiện vì phải tra cứu nhiều văn bản. Mặt khác, một số chế độ không còn phù hợp vì đã ban hành quá lâu hoặc đã có quy định mới của Trung ương,... Để đảm bảo các chế độ hỗ trợ của tỉnh đối với ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp thực hiện được dễ dàng, phù hợp với tình hình thực tế và hiệu quả, không trùng lặp giữa chế độ của trung ương và địa phương, việc ban hành Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương nhằm bãi bỏ, hợp nhất, điều chỉnh bổ sung một số chế độ, chính sách là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành Nghị quyết mới của HĐND tỉnh nhằm bãi bỏ những chế độ đã không còn phù hợp hoặc những chế độ đã có quy định mới của Trung ương; hợp nhất các chế độ hỗ trợ của tỉnh đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp được áp dụng từ nhiều văn bản khác nhau thành một văn bản mới để dễ dàng trong việc tra

thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đến nay, các bước tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã đảm bảo đúng theo quy định và đã được UBND tỉnh thống nhất thông qua tại phiên họp tháng 6/2019 để trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương gồm có 8 điều, cụ thể:

Điều 1. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức và nhân viên.

Điều 2. Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên.

Điều 3. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường Trung học phổ thông chuyên.

Điều 4. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường Trung học phổ thông chất lượng cao.

Điều 5. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường Trung học cơ sở có lớp tạo nguồn.

Điều 6. Nghị quyết này bãi bỏ một số Nghị quyết.

Điều 7. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức và nhân viên

2.1.1. Hỗ trợ nhân viên cấp dưỡng

a) Nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở Giáo dục - Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 01 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Riêng đối với nhân viên cấp dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non, ngoài chế độ hỗ trợ nêu trên, trong trường hợp phục vụ số trẻ vượt quá số lượng theo quy định thì được hỗ trợ thêm 05 ngày tiền lương hiện hưởng/người/tháng.

Nhằm bảo đảm sức khỏe cho cấp dưỡng để hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo

đảm vệ sinh chăm sóc trẻ, mỗi đơn vị chỉ được phép thiếu tối đa 02 cấp dưỡng trong năm học.

2.1.2. Hỗ trợ nhân viên phục vụ

Nhân viên phục vụ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 500.000 đồng/tháng.

2.1.3. Hỗ trợ nhân viên bảo vệ

Nhân viên bảo vệ trong các cơ sở Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 600.000 đồng/tháng và tiền trang phục với mức 600.000 đồng/02 bộ/năm.

2.1.4. Hỗ trợ giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn

Giáo viên phụ trách công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tại các xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.1.5. Hỗ trợ tiền trang phục

Công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng trực tiếp làm công tác phục vụ các lớp bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập có lớp bán trú (nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo) được hỗ trợ tiền trang phục với mức 300.000 đồng/2 bộ/năm.

2.1.6. Hỗ trợ cho viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập

Viên chức phụ trách công tác thư viện tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc tỉnh quản lý (bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học) được hỗ trợ 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.1.7. Hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên

Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên có gốc tuyển dụng là giáo viên (khi tuyển dụng có chuyên ngành đào tạo là sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo không phải là sư phạm và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) không trực tiếp giảng dạy, được phân công làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

- Hỗ trợ 30% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp.

- Hỗ trợ 25% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có) đối với trường cao đẳng, giáo dục đại học.

Đối với chức danh Kế toán, Văn thư, Thủ quỹ, Y tế phải được phân công trước ngày 01/7/2012.

2.1.8. Hỗ trợ công chức, viên chức khi được điều động, phân công công tác ở các địa phương khác nơi đăng ký thường trú như sau:

a) Từ 20km đến 40km được hỗ trợ 100.000 đồng/tháng.

b) Trên 40km được hỗ trợ 150.000 đồng/tháng.

2.1.9. Hỗ trợ Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân

a) Nhà giáo Ưu tú: 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo ưu tú đã nghỉ hưu.

b) Nhà giáo Nhân dân: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng, kể cả Nhà giáo nhân dân đã nghỉ hưu.

2.1.10. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp nhân kỷ niệm “Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11” hằng năm: 200.000 đồng/người.

2.1.11. Hỗ trợ cho công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; công chức, viên chức thuộc trường mầm non công lập được phân công quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập đóng trên địa bàn:

a) Được hưởng phụ cấp: 01 ngày/tuần/người (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

b) Việc phân công công chức, viên chức thực hiện quản lý các đơn vị mầm non ngoài công lập phải được người có thẩm quyền ra quyết định cụ thể theo phân cấp quản lý hiện hành.

2.1.12. Hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên của nhà trẻ, mẫu giáo bán trú và các trường mầm non bán trú: 200.000 đồng/người/tháng.

2.1.13. Hỗ trợ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non công lập

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng các trường bán trú phải trực tiếp tham gia hỗ trợ và kiểm tra giáo viên về công tác chăm sóc và tổ chức giờ ăn, giờ ngủ cho trẻ tại các nhóm lớp, được hỗ trợ:

a) Đơn vị là nhà trẻ, trường mầm non bán trú thì được tính 02 ngày/người/tháng.

b) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn dưới 04 lớp thì được tính 01 ngày/người/tháng.

c) Đơn vị là trường mẫu giáo bán trú có số lớp tổ chức ăn từ 04 lớp trở lên thì được tính 1,5 ngày/người/tháng.

2.1.14. Hỗ trợ giáo viên cơ sở giáo dục mầm non công lập

a) Đối với các đơn vị có tổ chức ăn, giáo viên đến sớm trước 06 giờ 30 sáng để vệ sinh phòng, nhóm lớp, chuẩn bị đồ chơi để tổ chức đón trẻ và chuẩn bị các điều kiện tổ chức cho trẻ ăn sáng; tổ chức và trực trưa cho trẻ ngủ (từ 11 giờ 30 đến 13 giờ 30); tổ chức trả trẻ từ (16 giờ 30 đến 17 giờ 30), được gọi chung là “trực sáng, trực trưa”.

- Trường hợp nếu giáo viên tham gia trực sáng, trực trưa đầy đủ trong tháng theo phân công của Hiệu trưởng thì được tính tối đa là 04 ngày/người/tháng.

- Trường hợp thiếu giáo viên, Hiệu trưởng bố trí 01 giáo viên/lớp thì được tính tối đa 06 ngày/người/tháng.

- Trường hợp giáo viên không tham gia đầy đủ, tùy theo số giờ vắng của giáo viên mà tính theo thực tế.

- Trường hợp nữ giáo viên có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc có thai từ 06 tháng trở lên (sinh con theo quy định kế hoạch hóa gia đình) thì không phải trực sáng, trực trưa. Trường hợp thiếu giáo viên nhưng các giáo viên này vẫn trực bình thường thì được tính 06 ngày/người/tháng.

b) Giáo viên mầm non trực tiếp đứng lớp có số trẻ vượt từ 20% trở lên so với số trẻ/lớp theo quy định được hưởng phụ cấp 04 ngày/tháng/giáo viên (cách tính như phụ cấp thừa giờ).

c) Giáo viên mầm non mới ra trường, trong thời gian tập sự được hỗ trợ thêm 15% cho đủ 100% lương bậc khởi điểm và phụ cấp (nếu có).

d) Hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với cán bộ quản lý, giáo viên mẫu giáo và 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với giáo viên nhà trẻ (bao gồm cả giáo viên trong thời gian tập sự), thời gian hỗ trợ là 05 năm.

đ) Hỗ trợ giáo viên mầm non tuyển dụng mới

Hỗ trợ chế độ thu hút đối với giáo viên mầm non tuyển dụng mới bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng, thời gian hỗ trợ là 05 năm.

2.1.15. Hỗ trợ cho giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu)

Giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn (bảo mẫu) tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập (nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non) được hỗ trợ 35% mức lương đang hưởng và phụ cấp chức vụ (nếu có).

2.1.16. Hỗ trợ giáo viên tiểu học dạy lớp vượt số học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn dạy lớp tiểu học có số học sinh vượt từ 20% trở lên so với số học sinh/lớp theo quy định được hỗ trợ thêm 18

giờ dạy/giáo viên/tháng (cách tính như phụ cấp tiền dạy thêm giờ). Thời gian hưởng 09 tháng/năm.

2.1.17. Hỗ trợ tiền thuê nhà trọ đối với công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở

Công chức, viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập (gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh) được điều động, phân công công tác cách xa nơi đăng ký thường trú từ 30 km trở lên, không được bố trí nhà công vụ mà phải thuê nhà ở thì được hỗ trợ tiền thuê nhà trọ bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thời điểm được điều động, phân công phải sau thời điểm đăng ký thường trú).

Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 (năm) năm.

Công chức, viên chức trong thời gian hưởng chế độ hỗ trợ trên sẽ không hưởng chế độ hỗ trợ được quy định tại khoản 2.1.8, Mục IV của Tờ trình này.

2.1.18. Hỗ trợ giáo viên, giảng viên làm đồ dùng dạy học, thao giảng, thực hành.

a) Tiền thưởng người làm đồ dùng dạy học ở hội thi cấp tỉnh:

- Đạt loại A: 1.000.000 đồng/đồ dùng.

- Đạt loại B: 750.000 đồng/đồ dùng.

- Đạt loại C: 500.000 đồng/đồ dùng.

b) Hỗ trợ giáo viên, giảng viên dự thi thao giảng thực hành các bậc học, cấp học:

- Giáo viên dự thi: 200.000 đồng/tiết (tính theo số tiết quy định)

- Tiền làm đồ dùng dạy học minh họa cho tiết giảng thực hành: 100.000 đồng/đồ dùng.

2.1.19. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải quốc gia.

a) Giải nhất: Bằng 10 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 03 lần mức lương cơ sở/giải.

2.1.20. Chế độ khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia.

a) Giải nhất: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 2,5 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/giải.

2.1.21. Hỗ trợ giáo viên bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

a) Giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia được hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương cơ sở/tiết dạy. Số tiết dạy không quá 360 tiết/môn học/năm học/khối lớp.

b) Mời chuyên gia bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.1.22. Hỗ trợ cho công chức, viên chức trực tiếp tham gia sinh hoạt hè là 200.000 đồng/người/toàn đợt hè và định mức hỗ trợ tiền xăng xe cho thanh niên tình nguyện phục vụ công tác hè là 100.000 đồng/người/toàn đợt hè.

2.1.23. Hỗ trợ một lần đối với các xã, phường, thị trấn và các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn về công tác phổ cập giáo dục bậc trung học.

a) Cấp xã: 2.000.000 đồng/xã.

b) Cấp huyện: 10.000.000 đồng/huyện.

2.2. Chế độ, chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên

2.2.1. Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non

Trẻ em 5 tuổi (đang học lớp Lá) tại các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo của tỉnh; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế được hỗ trợ tiền ăn trưa với mức bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/trẻ/tháng (được hưởng theo thời gian học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học).

2.2.2. Chế độ khen thưởng học sinh trúng tuyển đại học đạt điểm cao

Học sinh học ở các trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương nếu có điểm trúng tuyển đại học hàng năm đạt số điểm cao thì được thưởng như sau:

a) Đạt từ 29 điểm trở lên được thưởng 10 lần mức lương cơ sở/học sinh.

b) Đạt từ 27 điểm đến dưới 29 điểm được thưởng 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.

c) Đạt từ 26 điểm đến dưới 27 điểm được thưởng 02 lần mức lương cơ sở/học sinh.

d) Đạt từ 24 điểm đến dưới 26 điểm được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh.

2.2.3. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải tại các kỳ thi

a) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc tế:

- Giải nhất: 15 lần mức lương cơ sở/giải.

- Giải nhì: 13 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải ba: 11 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải khuyến khích: 07 lần mức lương cơ sở/ giải.

b) Học sinh, sinh viên giỏi Quốc gia:

- Giải nhất: 10 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải nhì: 07 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải ba: 05 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải khuyến khích: 03 lần mức lương cơ sở/ giải.

c) Học sinh, sinh viên giỏi cấp tỉnh:

- Giải I: 0,6 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải II: 0,4 lần mức lương cơ sở/ giải.

- Giải III: 0,3 lần mức lương cơ sở/ giải.

d) Học sinh đạt thủ khoa, học sinh đạt loại giỏi kỳ thi trung học phổ thông quốc gia (trường hợp học sinh vừa đạt thủ khoa vừa đạt loại giỏi thì được hưởng mức cao nhất).

- Đạt thủ khoa: 05 lần mức lương cơ sở/học sinh.

- Đạt loại giỏi: 01 lần mức lương cơ sở/học sinh.

đ) Học sinh, sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập tốt nghiệp thủ khoa đạt loại giỏi được thưởng 01 lần mức lương cơ sở/học sinh, sinh viên.

2.2.4. Chế độ khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia

a) Giải nhất: Bằng 07 lần mức lương cơ sở/giải.

b) Giải nhì: Bằng 05 lần mức lương cơ sở/giải.

c) Giải ba: Bằng 3,5 lần mức lương cơ sở/giải.

d) Giải khuyến khích: Bằng 02 lần mức lương cơ sở/giải.

2.2.5. Hỗ trợ học bổng cho học sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh

Học sinh cấp trung học phổ thông đạt giải 3 trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (trừ học sinh trường chuyên Hùng Vương đã nhận học bổng khuyến khích học tập) được hỗ trợ học bổng bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng, thời gian hỗ trợ từ khi được công nhận kết quả thi đến hết năm học.

2.2.6. Hỗ trợ cho học sinh là thành viên đội tuyển tỉnh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia khi tập trung bồi dưỡng

a) Tiền đi lại, tiền thuê phòng ngủ: Mức chi tối đa bằng chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

b) Tiền ăn học sinh là thành viên đội tuyển học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

c) Tiền ăn học sinh là thành viên dự thi học sinh giỏi quốc gia: Hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/ngày.

2.2.7. Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt cho học sinh nội trú, bán trú tại trường Trung học phổ thông chuyên, trường trung học phổ thông chất lượng cao và trường trung học cơ sở tạo nguồn có ký túc xá (thực hiện 09 tháng/năm)

a) Đối với học sinh nội trú: Định mức điện 25kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 4m³/học sinh/tháng.

b) Đối với học sinh bán trú: Định mức điện 10kw/học sinh/tháng; nước sinh hoạt 2m³/học sinh/tháng.

2.3. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chuyên

2.3.1. Hỗ trợ học sinh

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật:

- Học sinh nội trú: 01 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

- Học sinh bán trú: 0,5 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

b) Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,2 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.3.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu) bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.3.3. Hỗ trợ giáo viên (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy môn chuyên bằng 02 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Giáo viên dạy môn không chuyên bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.3.4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị) bằng 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.3.5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 30.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 4.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.3.6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các môn cho học sinh dự thi học sinh giỏi toàn quốc sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 15.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.000.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 750.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.3.7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.3.8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

2.3.9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

2.4. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học phổ thông chất lượng cao

2.4.1. Hỗ trợ học sinh.

a) Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh bán trú thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật: 0,45 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,15 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.4.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.4.3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp chất lượng cao (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Giáo viên dạy trên 10 tiết/tuần: 1,7 mức lương cơ sở/người/tháng;

b) Giáo viên dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

2.4.4. Hỗ trợ viên chức, nhân viên khác (trong biên chế trả lương của đơn vị): 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.4.5. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 25.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học mức tối đa không quá 3.000.000 đồng/giáo trình/môn học;

b) Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 600.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.4.6. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.500 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 300.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.4.7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

2.4.8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần;

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

2.4.9. Ngân sách hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước 01 lần/năm học đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường đạt thành tích lao động xuất sắc trong năm.

2.5. Chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh trường trung học cơ sở tạo nguồn và trường trung học cơ sở có lớp tạo nguồn

2.5.1. Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả giỏi, khá cuối học kỳ (thực hiện 09 tháng/năm học).

a) Học sinh đạt loại giỏi: 0,1 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

b) Học sinh đạt loại khá: 0,07 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

2.5.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu): 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

2.5.3. Hỗ trợ giáo viên dạy các lớp tạo nguồn (thực hiện 09 tháng/năm):

a) Dạy trên 10 tiết/tuần: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2.5.4. Hỗ trợ người soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường và phân hóa tăng cường đối với lớp tạo nguồn:

a) Hỗ trợ soạn thảo: 20.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 2.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 4.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 400.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.5.5. Hỗ trợ người chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình sau một thời gian sử dụng (từ 2-3 năm) phải chỉnh sửa; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chỉnh sửa, bổ sung: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.300.000 đồng/giáo trình/môn học.

b) Hỗ trợ thẩm định: 2.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 200.000 đồng/giáo trình/môn học.

2.5.6. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ:

a) Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh) 01 tiết/tuần.

b) Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh về xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

(Gửi kèm theo: 1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 2. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; 3. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức về nội dung dự thảo Nghị quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT, H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm